

Số: 851/TB-STP

Kiên Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO

**Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện theo Thông báo số 434/TB-VP ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, về ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Vũ Hồng tại Hội nghị chuẩn bị hoạt động cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang;

Sở Tư pháp Thông báo danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tư pháp đưa vào thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh gồm 14 lĩnh vực và 139 thủ tục hành chính cụ thể như sau:

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
I	LĨNH VỰC: LUẬT SƯ (20 thủ tục)			
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày	200.000 đồng/hồ sơ	
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày	200.000 đồng/hồ sơ	
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	10 ngày	200.000 đồng/hồ sơ	
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày	200.000 đồng/hồ sơ	
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày	100.000 đồng/hồ sơ	
6	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định	Không quy định	Trường hợp tự chấm dứt
		07 ngày	Không quy định	Trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
				hợp TCHNLS bị thu hồi Giấy hoạt động hoặc Trưởng VPLS, Giám đốc Cty luật bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư
7	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày	Không quy định	
8	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày	2.000.000 đồng/hồ sơ	
9	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày	1.000.000 đồng/hồ sơ	
10	Hợp nhất công ty luật	10 ngày	Không quy định	
11	Sáp nhập công ty luật	10 ngày	Không quy định	
12	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	07 ngày	Không quy định	
13	Chuyển đổi Văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày	Không quy định	
14	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định	Không quy định	
15	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, phương án xây dựng nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư	22 ngày	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
16	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	07 ngày	Không quy định	
17	Giải thể Đoàn luật sư	Không quy định	Không quy định	
18	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày	Không quy định	
19	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày	600.000 đồng/hồ sơ	
20	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày	2.000.000 đồng/hồ sơ	
II LĨNH VỰC: TƯ VẤN PHÁP LUẬT (10 thủ tục)				
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày	Không quy định	
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày	Không quy định	
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày	Không quy định	
4	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	Không quy định	Không quy định	
5	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	07 ngày	Không quy định	
6	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	10 ngày	Không quy định	
7	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Không quy định	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
8	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày	Không quy định	
9	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày	Không quy định	
10	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày	Không quy định	
III	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (27 thủ tục)			
1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07 ngày	Không quy định	
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày	Không quy định	
3	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	05 ngày	Không quy định	
4	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	07 ngày	Không quy định	
5	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	Không quy định	Không quy định	
6	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày	Không quy định	
7	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07 ngày	Không quy định	
8	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng	07 ngày	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)			
9	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	07 ngày	Không quy định	
10	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày	3.500.000 đồng/hồ sơ	
11	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	10 ngày	100.000 đồng/hồ sơ	
12	Cấp lại Thẻ công chứng viên	05 ngày	100.000 đồng/hồ sơ	
13	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	07 ngày	Không quy định	
14	Thành lập Văn phòng công chứng	20 ngày	Không quy định	
15	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày	1.000.000 đồng/hồ sơ	
16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
17	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	Không quy định	Không quy định	
18	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	07 ngày	Không quy định	
19	Hợp nhất Văn phòng công chứng	35 ngày	Không quy định	
20	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày	1.000.000 đồng/hồ sơ	
21	Sáp nhập Văn phòng công chứng	35 ngày	Không quy định	
22	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	07 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	Trường hợp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động
23	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	35 ngày	Không quy định	
24	Thay đổi nội dung đăng	07 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng			
25	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	14 ngày	Không quy định	
26	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	07 ngày	1.000.000 đồng/hồ sơ	
27	Thành lập Hội công chứng viên	45 ngày	Không quy định	
IV	LĨNH VỰC: GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (9 thủ tục)			
1	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	45 ngày	Không quy định	
2	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	Không quy định	
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	05 ngày	Không quy định	
4	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	45 ngày	Không quy định	
5	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	17 ngày	Không quy định	
6	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	07 ngày	Không quy định	
7	Châm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	07 ngày	Không quy định	
8	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư	05 ngày	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng			
9	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05 ngày	Không quy định	
V	LĨNH VỰC: ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (12 thủ tục)			
1	Cấp Thẻ đấu giá viên	05 ngày	Không quy định	
2	Thu hồi Thẻ đấu giá viên	03 ngày	Không quy định	
3	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	03 ngày	Không quy định	
4	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày	1.000.000 đồng/hồ sơ	
5	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	10 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
7	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày	Không quy định	
8	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày	Không quy định	
9	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	90 ngày	Không quy định	
10	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành	10 ngày	2.700.000 đồng/hồ sơ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	nghe đấu giá			
11	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	10 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
VI	LĨNH VỰC: TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (19 thủ tục)			
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	15 ngày	1.500.000 đồng/hồ sơ	
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	10 ngày	1.000.000 đồng/hồ sơ	
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	15 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	07 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
5	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	15 ngày	Không quy định	
6	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	Không quy định	Không quy định	
7	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	5.000.000 đồng/hồ sơ	
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày	3.000.000 đồng/hồ sơ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
9	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày	Không quy định	
10	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Không quy định	Không quy định	
11	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Không quy định	Không quy định	
12	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Không quy định	Không quy định	
13	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Không quy định	Không quy định	
14	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Không quy định	Không quy định	
15	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	Không quy định	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
16	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Không quy định	Không quy định	
17	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Không quy định	Không quy định	
18	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	Không quy định	Không quy định	
19	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày	1.500.000 đồng/hồ sơ	
VII	LĨNH VỰC: QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN (12 thủ tục)			
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
2	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Không quy định	Không quy định	
3	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Không quy định	Không quy định	
4	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày	Không quy định	
5	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày	500.000 đồng/hồ sơ	
6	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
7	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	03 ngày	Không quy định	
8	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Không quy định	Không quy định	
9	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Không quy định	Không quy định	
10	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Không quy định	Không quy định	
11	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Không quy định	Không quy định	
12	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Không quy định	Không quy định	
VIII	LĨNH VỰC: HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI (13 thủ tục)			
1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	07 ngày	Không quy định	
2	Thôi làm hòa giải viên thương mại dịch việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	Không quy định	Không quy định	
3	Đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại	15 ngày	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
4	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07 ngày	Không quy định	
5	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	15 ngày	Không quy định	
6	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày	Không quy định	
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	05 ngày	Không quy định	
8	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	05 ngày	Không quy định	
9	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	Không quy định	
10	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày	Không quy định	
11	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt	07 ngày	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	Nam			
12	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	10 ngày	Không quy định	
13	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày	Không quy định	
IX	LĨNH VỰC: CHỨNG THỰC (1 thủ tục)			
1	Cấp bản sao từ Sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
X	LĨNH VỰC: LÝ LỊCH TƯ PHÁP (3 thủ tục)			
1	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	10 ngày	- Phí cung cấp thông tin LLTP: 200.000 đồng/lần/người.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.
		15 ngày	- Phí cung cấp thông tin LLTP của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000đồng/lần/người. - Trường hợp người được cấp Phiếu LLTP đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu LLTP thu thêm 5.000đồng/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu LLTP. * Các trường hợp miễn phí: + Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. + Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi. + Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật. + Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
			áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020. + Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.	quá 15 ngày.
2	Cấp phiếu Lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	10 ngày 15 ngày	Không	
3	Cấp phiếu Lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	10 ngày 15 ngày Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu	Không	
XI	LĨNH VỰC: QUỐC TỊCH (3 thủ tục)			
1	Thông báo có quốc tịch nước ngoài	10 ngày làm việc	Không	
2	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	2.500.000 đồng/trường hợp	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
3	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng/trường hợp	
4	Nhập quốc tịch Việt Nam	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	3.000.000 đồng/trường hợp	
5	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	2.500.000 đồng/trường hợp	
6	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	05 ngày làm việc đối với trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam 15 ngày làm việc đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	100.000 đồng/trường hợp	- 05 ngày (Trường hợp đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam). - 15 ngày (Trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam).
XII	LĨNH VỰC: BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC			
1	Phục hồi danh dự	15 ngày kể từ	Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.		
2	Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Không	
3	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	Trong trường hợp người YCBT nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan GQBT tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người YCBT. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan GQBT phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người YCBT. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng	Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		cơ quan GQBT có thể yêu cầu người YCBT bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan GQBT, người YCBT phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan GQBT phải thụ lý hồ		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan GQBT phải cử người GQBT. - Trường hợp, người YCBT đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan GQBT tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người GQBT có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		xuất Thủ trưởng cơ quan GQBT việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người YCBT; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan GQBT phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người YCBT. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan GQBT có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người YCBT. Cơ quan tài chính		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan GQBT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan GQBT. Thủ trưởng cơ quan GQBT quyết định mức tạm ứng cho người YCBT nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người GQBT phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết YCBT có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người YCBT và người GQBT nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người GQBT phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan GQBT phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết YCBT có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người YCBT và người GQBT nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. - Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan GQBT ra quyết định GQBT và trao cho người YCBT tại buổi thương lượng. Trường hợp người YCBT không nhận quyết định GQBT thì người GQBT lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định GQBT theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan GQBT phải gửi cho người YCBT trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.		
XIII	LĨNH VỰC: NUÔI CON NUÔI (03 thủ tục)			
1	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	
2	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	35 ngày - Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định: 15 ngày,	4.500.000 đồng/trường hợp	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.		
3	Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Không quy định	Không	
XIV	LĨNH VỰC: HỘ TỊCH (01 thủ tục)			
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Không	

Trên đây là các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang./. *TMV*

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Phòng Kiểm soát TTHC –VP.UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Cổng thông tin điện tử của sở;
- Lưu: VT, đttnhanh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Khái